TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021 /HS-ST.
Ngày: 30/3/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông P. T. L.
2. Ông Đ. H. L.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N. T. K. H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông L.Đ.A – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS, ngày 03 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/HSST-QĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **N. T. T,** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1986, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông: N. T. C, SN: 1957 và bà: L. T. C, SN: 1958; Vợ: V. T. T, sinh năm: 1989; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 25/11/2020 đến ngày 01/12/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

2. Họ và tên: **N. T. Đ,** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch:

Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông: N. T. X, SN: 1952 và bà: N. T. C, SN: 1956; Vợ: M. T. H, sinh năm: 1986; Con: 04 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 25/11/2020 đến ngày 01/12/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

3. Họ và tên: **N. B,** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: N. B, SN: 1926 và bà: N. T. Đ (chết); Vợ: L. T. T. L, sinh năm: 1993; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 25/11/2020 đến ngày 01/12/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

4. Họ và tên: **N.V.H,** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông: N.S (chết) và bà: N. T. T, SN: 1941; Vợ: P. T. K. K, sinh năm: 1984; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 25/11/2020 đến ngày 01/12/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

5. Họ và tên: **N. V. M,** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1963, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Nông; Con ông: N. R (chết) và bà: P. T. H, SN: 1931; Vợ: H. T. P, sinh năm: 1964; Con: 06 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 25/11/2020 đến ngày 01/12/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

6. Họ và tên: **H. H. G,** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1970, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông: H. N. B, SN: 1935 và bà: N. T. Đ, SN: 1939; Vợ: N. T. N, sinh năm: 1976; Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án: Không, tiền sự: ngày 27/12/2019, bị Chủ tịch Huyện A xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi đánh bạc, với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp xong tiền phạt vào ngày 27/12/2019; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 25/11/2020 đến ngày 01/12/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h ngày 25/11/2020 N.T.T cầm theo một bộ xóc bầu cua gồm 01 thau nhôm, 01 đĩa nhôm và 03 hột giấy hình lập phương có các hình bầu-cua-tôm-cá-gà-nai tương ứng trên sáu mặt của hột giấy đi đến quán cà phê thuộc thôn L, xã K, huyện A uống nước. Tại đây, N.T.T gặp và rủ N.B, N.V.H đến nhà N.V.M ở cùng thôn để đánh bầu cua với hình thức thắng thua bằng tiền do N.T.T cầm cái để xóc và được mọi người đồng ý. Khi đến nhà thì N.V.M đi vắng, cổng mở nên cả ba người đi vào sân phía sau hiên nhà của N.V.M. N.T.T dùng bút mực màu xanh vẽ xuống nền xi măng một hình chữ nhật chia làm sáu ô và ghi tên bầu- cua- tôm- cá- gà- nai vào các ô đó rồi bắt đầu đánh bạc.

N.T.T sử dụng số tiền 23.845.000đ để cầm cái xóc bầu cua cho các con bạc đặt cược và thỏa thuận mỗi lần đặt cược không quá 1.000.000đ. N.B sử dụng số tiền 835.000đ, N.V.H sử dụng 3.800.000đ để đánh bạc. Sau đó có N.T.Đ đến và sử dụng số tiền 13.800.000đ, H.H.G sử dụng 4.000.000đ để tham gia đánh bạc. Đến khoảng 18h cùng ngày, N.V.M về nhà thấy mọi người đánh bạc ở nhà mình nhưng không nói gì mà cũng sử dụng số tiền 900.000đ để tham gia đặt cược.

Chiếu bạc đánh đến 19h cùng ngày thì bị Công an huyện A bắt quả tang sáu người đang tham gia đánh bạc, thu giữ số tiền đánh bạc 48.630.000đ và một bộ xóc bầu cua gồm 01 thau nhôm, 01 đĩa nhôm và 03 hột giấy hình lập phương có các hình bầu- cua- tôm- cá- gà- nai trên các mặt của hột giấy đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện A để xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSPC, ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo N.T.T, N.T.Đ, N.B, N.V.H, N.V.M và H.H.G về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo N.T.T, N.T.Đ, N.B, N.V.H, N.V.M và H.H.G về tội: " Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

- Đề nghị HĐXX:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS để tuyên phạt bị cáo N.T.T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

- Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS để tuyên phạt các bị cáo:

+ N.T.Đ từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

+ H.H.G từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

+ N.V.H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ N.B từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ N.V.M từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo cho UBND xã K quản lý giáo dục trong thời hạn chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47, các điểm b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 tuyên xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 48.630.000đ và tịch thu tiêu hủy một bộ xóc bầu cua đã được thu giữ do các bị cáo dùng để đánh bạc.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo N.T.T, N.T.Đ, N.B, N.V.H, N.V.M và H.H.G đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác, các biên bản kiểm tra, thu giữ đồ vật có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Vì muốn thu lợi bất chính và tước đoạt tiền bạc của nhau nên N.T.T đã lập một chiếu bạc dưới hình thức đánh bầu cua thắng thua bằng tiền và trực tiếp cầm cái rung xóc bầu cua để cho các bị cáo khác là N.T.Đ, N.V.H, N.B, H.H.G và N.V.M tham gia đặt cược thì bị lực lượng Công an huyện A phát hiện bắt quả tang vào lúc 19h ngày 25/11/2020 tại nhà của N.V.M tại thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B thu giữ được 48.630.000đ và một bộ xóc bầu cua mà N.T.T cùng đồng bọn dùng để đánh bạc.

Trong vụ án, tuy có 06 người cùng tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có tổ chức chặt chẽ và không mang tính chất chuyên nghiệp. Các bị cáo tuy ý thức được đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào đều bị nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì muốn có thu lợi bất chính, các bị cáo cùng tham gia đánh bạc nhằm sát phạt lẫn nhau. Trong đó nổi lên là vai trò của N.T.T là người rủ rê trực tiếp cầm cái để các bị cáo khác đánh bạc.

Hành vi của N.T.T cùng đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội đã làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh, lành mạnh của cộng đồng dân cư, làm mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo N.T.T, N.T.Đ, N.B, N.V.H, N.V.M và H.H.G về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo N.T.T, N.T.Đ, N.B, N.V.H, N.V.M và H.H.G phạm tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo tỏ ý ăn năn hối cải bước đầu. Tất cả đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đó là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS do vậy nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Xét về vai trò tham gia của các bị cáo để phân hóa vai trò tội phạm; HĐXX nhận thấy: Trong vụ án bị cáo N.T.T là người thực hiện tích cực chuẩn bị công cụ rủ rê các bị cáo khác và trực tiếp cầm cái rung xóc bầu cua nên có vai trò quan trọng. Do đó mức hình phạt của bị cáo N.T.T phải cao hơn mức hình phạt của các bị cáo khác. Bị cáo H.H.G đã bị xử phạt vi phạm hành chính chưa hết thời hiệu không được xem là chưa có tiền sự lại tiếp tục phạm tội, bị cáo N.T.Đ sau khi bị khởi tố điều tra về tội "Đánh bạc" thì sau đó lại tiếp tục tham gia đánh bạc ở một vụ khác nhưng không bị xử lý do đó cần xem xét nhân thân của hai bị cáo này khi quyết định hình phạt, còn các bị cáo khác vì hám lợi nên đã tham gia chiếu bạc do N.T.T cầm cái, do đó cũng phải xử lý nghiêm khắc.

Xét thấy các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định rõ ràng, lại là lao động chính trong gia đình do đó thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng các Điều 36, Điều 65 BLHS để xử phạt các bị cáo nghĩ cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung phù hợp với chính sách nhân tạo của pháp luật. Đề

nghị của đại diện VKSND huyện A tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 48.630.000đ các bị cáo đã dùng để đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy một bộ bầu cua gồm: 01 thau nhôm, 01 dĩa nhôm, 02 hột giấy có hình bầu- cua- tôm- cá- gà- nai là công cụ để đánh bạc không có giá trị sử dụng. Tất cả được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[6].Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1].<u>Tuyên bố</u>: Các bị cáo N.T.T, N.T.Đ, N.B, N.V.H, N.V.M và H.H.G phạm tội: "Đánh bạc".

[2].<u>Áp dụng</u>:

[2.1]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 65 BLHS để xử phạt bị cáo N.T.T 12 *(Mười hai)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, được trừ thời hạn tạm giữ 06 ngày (kể từ ngày 25/11/2020 đến 01/12/2020). Thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N.T.T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2.2]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo N.T.Đ 12 *(Mười hai)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ 06 ngày (từ ngày 25/11/2020 đến 01/12/2020) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N.T.Đ còn phải chấp hành 11 *(Mười một)* tháng 12 *(Mười hai)* ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N.T.Đ cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[2.3]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo H.H.G 12 *(Mười hai)* tháng cải tạo không giam

giữ, được trừ thời hạn tạm giữ 06 ngày (từ ngày 25/11/2020 đến 01/12/2020) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo H.H.G còn phải chấp hành 11 *(Mười một)* tháng 12 *(Mười hai)* ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo H.H.G cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[2.4]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo N.V.H 09 *(Chín)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ 06 ngày (từ ngày 25/11/2020 đến 01/12/2020) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N.V.H còn phải chấp hành 08 *(Tám)* tháng 12 *(Mười hai)* ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N.V.H cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[2.5].Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo N.V.M 09 *(Chín)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ 06 ngày (từ ngày 25/11/2020 đến 01/12/2020) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N.V.M còn phải chấp hành 08 *(Tám)* tháng 12 *(Mười hai)* ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bán án.

Giao bị cáo N.V.M cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[2.6]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo N.B 09 *(Chín)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ 06 ngày (từ ngày 25/11/2020 đến 01/12/2020) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N.B còn phải chấp hành 08 *(Tám)* tháng 12 *(Mười hai)* ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N.B cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xét thấy các bị cáo N.T.Đ, H.H.G, N.V.H, N.B và N.V.M không xác định được thu nhập ổn định hàng tháng nên không bị khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3].<u>Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng</u>:

[3.1].<u>Trách nhiệm dân sự</u>: Không.

[3.2].<u>Xử lý vật chứng</u>:

- Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 48.630.000đ các bị cáo đã dùng để đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy 01 *(Một)* bộ xóc bầu cua gồm 01 thau nhôm, 01 dĩa nhôm và 03 hột bầu cua bằng giấy tất cả vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[4].*Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo N.T.T, H.H.G, N.T.Đ, N.V.H, N.V.M và N.B phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L